

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/DS-PT

Ngày: 22/8/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ.

Ông Trương Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Quyên - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu* tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3.2. Văn Phòng Công chứng T; Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T - Chức vụ: Trưởng Văn phòng. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Nguyễn Q là nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Q với bà Nguyễn Thị Lệ H là vợ chồng, ông Q là cha ruột của Nguyễn Ngọc T. Ông Q, bà H sống chung có tạo lập quyền sử dụng đất các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà Nguyễn Thị Lệ H đứng tên. Khoảng tháng 9/2022, ông Q bị bệnh tắc nghẽn đường thở phải nhập viện điều trị. Khi đang điều trị bệnh, tinh thần không được minh mẫn. Ông Nguyễn Ngọc T chở ông Q đến Văn phòng Công chứng ký hợp đồng ủy quyền giao toàn bộ các thửa đất này cho T. Khi về nhà T ngược đãi đui đỏi ông Q ra khỏi nhà nên ông Q phải ra ngoài thuê nhà trọ sống. Ông T nói với ông Q là nhà đất của ông Q hiện nay là của ông T vì ông T đã được ông Q, bà H ủy quyền giao cho ông T nên ông Q không còn quyền. Từ đó ông Q mới biết trước đây ông T chở ông Q đến Văn phòng công chứng ký là ký hợp đồng ủy quyền giao toàn bộ đất của ông Q, bà H cho T. Ông Q ký hợp đồng ủy quyền cho ông T là do ông Q bị ông T lừa dối và hợp đồng ủy quyền cũng không có điều kiện và không có thù lao. Khi ông Q biết ông Q đã ký hợp đồng ủy quyền cho T nên ông Q khởi kiện ông T để yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng T, công chứng số 8117 ngày 15/9/2022 giữa người ủy quyền là ông Q, bà H và người được ủy quyền là ông T đối với các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà H đứng tên.

2. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông T là con ruột của ông Q với bà H, thường ngày ông Q hay la mắng ông T ăn hết của, lấy hết tài sản của ông Q, nhưng ông T không quan tâm. Khi ông Q bị bệnh, ông T vẫn quan tâm chăm sóc lo thuốc thang, bồi dưỡng sức khỏe cho ông Q. Ông Q lại loan tin là ông T cho ông Q uống thuốc độc để giết ông Q. Việc ông Q, bà H ký hợp đồng ủy quyền cho ông T đều tự nguyện không ai ép buộc và đã có sự thỏa thuận của gia đình từ trước. Sau khi đi ký hợp đồng ủy quyền về thì ông Q thay đổi tính tình, ông Q thường gây gổ với mọi người trong nhà. Ông Q cho rằng ông T chiếm đoạt hết tài sản của ông Q. Ông Q còn đi trình báo Công an xã và cùng Công an đến nhà rồi ông Q thu gom quần áo, đồ dùng cá nhân ra đi khỏi nhà vào ngày 29/9/2022 đến nay. Lý do ông Q ra đi để khởi kiện tranh chấp và vu khống ông T, bà H âm mưu chiếm đoạt tài sản. Nguyên nhân là do ông Q nghe lời người ngoài mà không tin tưởng vào gia đình. Sự thật ông Q chỉ bị bệnh phổi khó thở, tinh thần vẫn minh mẫn không có vấn đề gì nên việc công chứng ủy quyền là ý chí tự nguyện của ông Q nên ông T không chấp nhận yêu cầu của ông Q.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày như sau: Bà H là vợ của ông Q, trong cuộc sống vợ chồng, ông Q không quan tâm gia đình, không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm

làm chồng. Trong thời kỳ hôn nhân việc tạo lập quyền sử dụng đất là do nhiều công lao của bà H. Trong cuộc sống cũng như lúc ông Q bị bệnh thì bà H và các con luôn chăm lo cho ông Q. Việc bà H với ông Q ủy quyền đất cho T thì đã có thỏa thuận từ trước của ông Q, bà H. Ông Q ký hợp đồng là hoàn toàn minh mẫn không có sự ép buộc hay lừa dối. Sau khi ký hợp đồng ông Q về nhà thì đôi tính, ông Q thường gây gổ với vợ con. Ông Q trình báo với Công an, khai báo gian dối rằng ông Q bị bà H và ông T ngược đãi nên Công an xã có đến nhà xác minh. Ông Q tự ra khỏi nhà rồi vu oan cho rằng bị vợ con đuổi chứ thực tế không ai đuổi ông Q, ngược lại còn khuyên bảo ông Q về nhà nhưng ông Q không chịu về. Ông Q đã nghe lời người ngoài nên khởi kiện yêu cầu chấm dứt việc ủy quyền. Ông Q yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền là không có căn cứ nên bà H không chấp nhận, riêng phần ủy quyền của bà H, bà H không thay đổi.

3.2. Văn phòng Công chứng T:

Tại Công văn số 217/VPCC ngày 23/11/2022 của Văn phòng Công chứng T xác định: Việc công chứng hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lệ H với bên được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T đối với quyền sử dụng đất, được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Luật Công chứng.

4. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Q về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố chấm dứt một phần hợp đồng ủy quyền trong phạm vi quyền về tài sản của ông Nguyễn Q được Văn phòng Công chứng T ký công chứng số 8117 ngày 15/9/2022 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Lệ H, bên được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T, đối với quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486 tờ bản đồ số 27 xã P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo.

5. Ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới, không thỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp trong vụ án. Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đơn kháng cáo của ông T hợp lệ.

[2]. Ông Nguyễn Q khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T để yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền giữa ông Q, bà H với ông T. Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”. Ông T cư trú tại huyện Đ, hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng T đặt tại huyện Đ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Ông Trần Văn T vắng mặt nhưng ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, phiên tòa xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với các quy định tại các Điều 228, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4]. Ông Nguyễn Q khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T để yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng T, công chứng số 8117, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2022 giữa người ủy quyền (Bên A) là ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lê H và người được ủy quyền (Bên B) là ông Nguyễn Ngọc T đối với các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà H đứng tên.

Phạm vi ủy quyền: Bên B được toàn quyền thay mặt bên A quản lý, sử dụng, đo vẽ, trích lục sơ đồ vị trí, tách thửa, hợp thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, chỉ ranh, cắm mốc, ký biên bản giáp ranh, gia hạn thời gian sử dụng đất, chỉnh lý biến động, nộp các khoản thuế, phí, lệ phí; thực hiện thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, được lập và ký hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc, góp vốn, cho thuê, thế chấp, thế chấp để đảm bảo cho bên thứ 3 đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thuộc các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K718049 ngày 12/11/1998. Trong phạm vi ủy quyền bên B được toàn quyền quyết định về công việc ủy quyền, được quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các hợp đồng do bên B ký, được nhận tiền, được quyền lập và ký vào các giấy tờ có liên quan đến công việc được ủy quyền.

Thời hạn ủy quyền 15 năm kể từ ngày công chứng hợp đồng này. Việc ủy quyền không có thù lao. Bên B được ủy quyền lại cho bên thứ 3 để thực hiện các nội dung nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Lý do mà ông Q yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền: Theo ông Q thì vào thời điểm ông T đưa ông Q đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng ủy quyền thì ông Q đang bị bệnh tắc nghẽn đường thở phải nhập viện điều trị nên tinh thần không được minh mẫn. Ông Q không biết là ông Q đã ký vào hợp đồng ủy quyền cho ông T được toàn quyền đối với toàn bộ diện tích đất của ông Q, bà H. Sau khi ông Q ký hợp đồng ủy quyền xong thì ông T ngược đãi đuổi ông Q ra khỏi nhà, ông Q phải ra ngoài thuê nhà trọ sống.

Theo ông T thì ông T không hề ngược đãi và đuổi ông Q ra khỏi nhà mà luôn chăm sóc ông Q lúc bình thường cũng như lúc ông Q bị bệnh. Việc ông T nhận ủy quyền để lo các thủ tục về đất cho ổn định, thuận lợi để thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Ông Q yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền là do ông Q nghe lời người ngoài.

Tại khoản 1 Điều 569 quy định: *Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc bên được ủy quyền đã thực hiện và được bồi thường thiệt hại; nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý.*

Như vậy, dù không có lý do thì ông Q vẫn có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền với ông T bất kỳ lúc nào do Hợp đồng ủy quyền giữa ông Q, bà H với ông T không có thù lao. Về thời hạn báo trước một thời gian hợp lý thì điều luật không quy định thời gian là bao nhiêu. Không có chứng cứ để chứng minh là ông Q đã báo trước cho ông T về việc ông Q đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền nhưng ông Q đã khởi kiện ông T ra Tòa án để yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền là cho thấy mâu thuẫn giữa ông Q là người ủy quyền với ông T là người được ủy quyền đã đến mức căng thẳng. Từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của ông Q là ngày 09/11/2022 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 07/4/2023 là gần 5 tháng thì coi như ông Q báo cho ông T nhưng ông T vẫn không chấp nhận chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền giữa ông Q và ông T là có cơ sở.

Tuy nhiên, các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà H đứng tên thì ông Q, bà H và ông T đều xác nhận các thửa đất này là thuộc quyền sử dụng chung của ông Q, bà H chưa chia nên chưa xác định phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H và phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Q. Vì vậy, mặc dù bà H không yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông T mà vẫn tiếp tục ủy quyền cho ông T theo hợp đồng. Việc giữ lại việc ủy quyền của bà H với ông T thì ông T không thể thực hiện được việc ủy quyền bởi vì chưa xác định bà H được quyền sử dụng bao nhiêu diện tích đất, thửa đất nào trong các thửa đất mà bà H ủy quyền cho ông T. Do đó cần tuyên bố chấm dứt toàn bộ hợp đồng ủy quyền công chứng số 8117, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2022 giữa người ủy quyền là ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lệ H và

người được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T. Khi ông Q, bà H phân chia quyền sử dụng đất chung của bà H và ông Q thì bà H mới có quyền thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của bà H.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ cho phù hợp, mà cụ thể là: Tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng T, công chứng số 8117, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2022 giữa người ủy quyền là ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lệ H và người được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T đối với các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà H đứng tên.

[5]. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T không được chấp nhận nhưng bản án sơ thẩm bị sửa nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148; các Điều 26, 35, 39, 228, 271, 272, 273, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 562, 569 của Bộ luật dân sự; các Điều 12, 14, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q đối với ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng T, công chứng số 8117, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/9/2022 giữa người ủy quyền là ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lệ H và người được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T đối với các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486, Tờ bản đồ số 27 xã P, huyện Đ đã được UBND huyện L (nay là huyện Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K718049 ngày 12/11/1998 cho bà Nguyễn Thị Lệ H đứng tên.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Q trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và được Tòa án cấp sơ thẩm miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0010228 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/8/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKS nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa**

Nguyễn Minh Châu